










Bản tin Pháp chế

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

	Trong số này:	Trang
	I. Quy định mới	2
	 Những văn bản pháp lý ban hành trong tháng 6 năm 2017	
	II. Điểm tin văn bản pháp luật	3
	 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung quy định kèm theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019	
	 Quyết định 899/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016-2020	
	 Quyết định số 852/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam giai đoạn 2017-2020	
	 Quyết định 2126/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc đính chính Thông tư 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp	
	III. Công văn giải đáp, hướng dẫn nghiệp vụ	8
	 Công văn số 2696/BHXH-CSXH ngày 29/6/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện các chế độ BHXH kể từ ngày 01/7/2017	
	 Công văn số 2564/TCT-TNCN ngày 13/6/2017 của Tổng cục thuế về việc vướng mắc trong việc xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản phụ cấp	
	IV. Danh mục văn bản nội bộ	10

QUY ĐỊNH MỚI

1. Bất động sản		3. Bảo hiểm
Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung quy định kèm theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019		Quyết định 2126/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc đính chính Thông tư 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp
2. Lao động tiền lương		4. Doanh nghiệp
Quyết định 899/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016-2020		Quyết định số 852/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam giai đoạn 2017-2020

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quy định kèm theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019

Ngày 30/5/2017, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019

Theo đó, Quyết định có một số nội dung sửa đổi, bổ sung đáng chú ý sau:

1) Sửa đổi quy định tại Điểm d, đ Khoản 2 Điều 2 như sau:

“d) Đối với thửa đất của một chủ sử dụng đất tại vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 của Bảng số 5, 6 (trừ thị trấn Tây Đằng huyện Ba Vì) và Bảng số 7 thuộc các khu dân cư cũ, không nằm trong khu đô thị mới, khu đấu giá, khu tái định cư, không nằm trong cụm công nghiệp hoặc khu công nghiệp (theo chiều sâu của ngõ) được xem xét giảm giá như sau:

- Cách hè đường, phố từ 200 m đến 300 m: Giảm 5% so với giá đất quy định.

- Cách hè đường, phố trên 300 m đến 400 m: Giảm 10% so với giá đất quy định.

- Cách hè đường, phố trên 400 m đến 500 m: Giảm 15% so với giá đất quy định.

- Cách hè đường, phố trên 500 m: Giảm 20% so với giá đất quy định.

đ) Đối với thửa đất của một chủ sử dụng có chiều sâu tính từ chỉ giới hè đường, phố có tên trong Bảng giá hoặc ngõ được chia các lớp để tính giá như sau:

- Lớp 1: Tính từ chỉ giới hè đường, phố có tên trong Bảng giá hoặc ngõ đến 100 m, tính bằng 100% mức giá quy định.

- Lớp 2: Tính từ chỉ giới hè đường, phố có tên trong Bảng giá hoặc ngõ từ trên 100 m đến 200 m, giảm 10% so với giá đất của lớp 1.

- Lớp 3: Tính từ chỉ giới hè đường, phố có tên trong Bảng giá hoặc ngõ từ trên 200 m đến 300 m giảm 20% so với giá đất của lớp 1.

- Lớp 4: Tính từ chỉ giới hè đường, phố có tên trong Bảng giá hoặc ngõ từ trên 300 m giảm 30% so với giá đất của lớp 1.”

2) Bổ sung Khoản 4 Điều 2 như sau:

“4. Giá đất thương mại, dịch vụ và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại Bảng giá đất được tính tương ứng với thời hạn sử dụng đất là 70 năm.”

3) Sửa đổi quy định tại Khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Giá đất nông nghiệp trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt (trường hợp chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng khu dân cư) được xác định giá cao hơn, nhưng không vượt quá 50% giá đất nông nghiệp tương ứng quy định tại Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3, Bảng 4 và Phụ lục phân loại xã.”

4) Sửa đổi Khoản 3, Khoản 6 Điều 5 như sau:

“3. Giá đất ở, đất thương mại, dịch vụ và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn được quy định theo từng xã tại Bảng 9 áp dụng cho khu vực dân cư thuộc địa bàn các xã và thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì nằm ngoài phạm vi 200m của các tuyến đường phố có tên quy định tại Bảng 8, thị trấn Tây Đằng quy định tại Bảng 6.

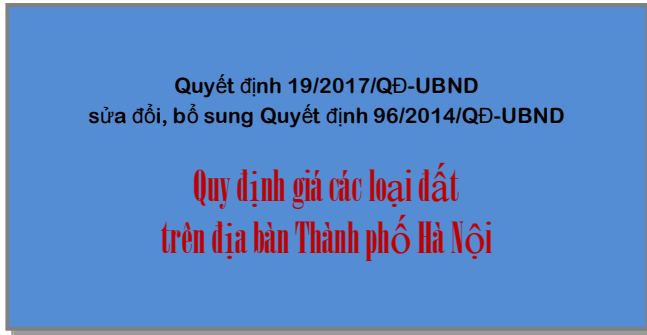
Đối với thửa đất của một chủ sử dụng tại vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 của Bảng số 8 và thị trấn Tây Đằng quy định tại Bảng số 6 được xác định như sau:

- Trong phạm vi tính từ chỉ giới hè đường, phố có tên trong bảng giá đất đến 200 m được xác định theo nguyên tắc 04 vị trí quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 2 của Quy định kèm theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND;

- Ngoài 200 m tính từ chỉ giới hè đường, phố có tên trong bảng giá được áp dụng giá đất khu dân cư nông thôn quy định tại Bảng 9.”

“6. Các trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất tại các khu dân cư nông thôn để thực hiện dự án sản xuất kinh doanh, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị mới, khu đấu giá, khu tái định cư đã được kết nối hạ tầng đồng bộ với đường có tên trong Bảng giá thì căn cứ vào đường hiện trạng để áp dụng giá đất theo 4 vị trí của đường, phố gần nhất có tên trong Bảng giá và không được áp dụng giá đất khu dân cư nông thôn quy định tại Bảng số 9.”

5) Điều chỉnh, bổ sung và thay thế giá đất của của một số tuyến đường, phố, khu đô thị mới (chi tiết như phụ lục kèm theo).



Hiệu lực thi hành:

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày 09/6/2017, bãi bỏ: Cột giá đất tại VT4 ngoài 200 m tại Bảng số 7, giá đất ngoài 200 m của Bảng số 8 của Phụ lục kèm theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND; Khoản 4, Khoản 5 Điều 5 quy định kèm theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội.

Các nội dung khác của Quy định kèm theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 - 31/12/2019 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Quyết định về việc phê duyệt chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp – việc làm, an toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020

Ngày 20/6/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 899/QĐ-TTg về việc phê duyệt chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016-2020

Theo đó, Chương trình có nội dung mục tiêu đáng chú ý như sau:

1. Mục tiêu tổng quát: Hỗ trợ phát triển giáo dục nghề nghiệp; thúc đẩy phát triển thị trường lao động; nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động; tạo việc làm, tăng cường xuất khẩu lao động, an toàn, vệ sinh lao động đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế; thúc đẩy việc làm bền vững gắn với tăng năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và phòng ngừa tai nạn lao động.

2. Mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020:

a) Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường nghề theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020 và khoảng 30 trường chuyên biệt đủ điều kiện đào tạo cho một số nghề trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế biển và các đối tượng là người dân tộc thiểu số học nội trú, người khuyết tật.

b) Đầu tư đồng bộ khoảng 100 nghề trọng điểm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bảo đảm đủ điều kiện đào tạo nghề nghiệp ở các cấp độ.

c) Hỗ trợ đào tạo trình độ cao về kỹ năng nghề, ngoại ngữ và ngành nghề đặc thù cho khoảng 8.800 lao động để đưa khoảng 6.200 người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

d) Tư vấn chính sách việc làm và học nghề trong đó 45% đến 50% số người lao động đến các Trung tâm dịch vụ việc làm được giới thiệu việc làm và 70% trong số đó có kết nối việc làm thành công.

đ) Giảm trung bình hàng năm 5% tỉ lệ tử vong do tai nạn lao động chết người trong một số ngành, lĩnh vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động (khai khoáng, xây dựng, sản xuất kim loại, sản xuất hóa chất và một số ngành, nghề khác).

e) Hỗ trợ thí điểm cho 600 doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý an toàn, vệ sinh lao động, từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, vệ sinh lao động (OHSAS 18001, SA 8000,...) và xây dựng văn hóa an toàn trong lao động.



Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định số về việc phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam giai đoạn 2017-2020

Ngày 14/6/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 852/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam giai đoạn 2017-2020.

Theo đó, Đề án tổng thể sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020 có mục tiêu và nội dung đáng chú ý sau:

I. MỤC TIÊU

Xây dựng Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) thành Tập đoàn kinh tế mạnh, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao, nâng cao năng suất lao động, hoạt động hiệu quả, bền vững; giữ vai trò chủ đạo trong việc đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện cho phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và an ninh quốc phòng của đất nước, làm nòng cốt để ngành công nghiệp điện lực Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, xây dựng thành công hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, phục vụ khách hàng với chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn.

II. NỘI DUNG

1. Ngành, nghề kinh doanh

a) Ngành, nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải, phân phối và kinh doanh mua bán điện năng; chỉ huy điều hành hệ thống sản xuất, truyền tải, phân phối và phân bổ điện năng trong hệ thống điện quốc gia;

- Xuất nhập khẩu điện năng;

- Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án điện;

- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hoá thuộc dây truyền sản xuất, truyền tải và phân phối điện, công trình điện; thí nghiệm điện;

- Tư vấn quản lý dự án, tư vấn khảo sát thiết kế, tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, lập dự toán, tư vấn thẩm tra và giám sát thi công công trình nguồn điện, các công trình đường dây và trạm biến áp.

b) Ngành, nghề liên quan phục vụ trực tiếp ngành, nghề kinh doanh chính

- Chế tạo thiết bị điện, đầu tư kinh doanh cơ khí điện lực;

- Xây lắp các công trình điện;

- Dịch vụ tự động hóa và điều khiển; kinh doanh các dịch vụ công nghệ thông tin (nghiên cứu, phát triển, triển khai, tư vấn và đào tạo) trong và ngoài nước, quản lý hệ thống viễn thông dùng riêng;

- Xuất nhập khẩu nhiên liệu, nguyên vật liệu, vật tư thiết bị ngành điện;

- Xây lắp, giám sát lắp đặt thiết bị viễn thông - công nghệ thông tin; sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu cách điện, vật liệu cách nhiệt, trang bị bảo hộ lao động;

- Tư vấn quản lý dự án; tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, lập dự toán và giám sát thi công công trình viễn thông - công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp và dân dụng;

- Đầu tư tài chính và kinh doanh vốn mà Nhà nước giao cho EVN đối với các công trình điện;

- Đào tạo nguồn nhân lực và hợp tác đào tạo lao động với nước ngoài;

- Cho thuê văn phòng (hoạt động kinh doanh tại trụ sở EVN, số 11 Cửa Bắc, Ba Đình, Hà Nội).

2. Kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị thành viên của EVN giai đoạn 2017-2020

a) Công ty mẹ - EVN tiếp tục là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b) Các đơn vị giữ nguyên tổ chức, cơ chế hoạt động và nằm trong cơ cấu Công ty mẹ - EVN:

- Công ty Thủy điện Sơn La;

- Công ty Thủy điện Hoà Bình;

- Công ty Thủy điện Ialy;

- Công ty Thủy điện Trị An;

- Công ty Thủy điện Tuyên Quang (Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và EVN nghiên cứu phương án cổ phần hoá (trong đó nhà nước nắm cổ phần chi phối), báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 150/TB-VPCP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ);

- Công ty Phát triển Thủy điện Sê San;

- Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát;

- Ban Quản lý dự án thủy điện 1;

- Ban Quản lý dự án thủy điện 4 (chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành quyết toán các dự án);

- Ban Quản lý dự án thủy điện 5;

- Ban Quản lý dự án thủy điện 6;

- Ban Quản lý dự án Nhà máy thủy điện Sơn La;

- Ban Quản lý dự án điện hạt nhân Ninh Thuận (EVN quyết định đổi tên để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới của Ban Quản lý dự án);

- Ban Quản lý dự án nhiệt điện 2;

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công nghệ EVN;

- Công ty Mua bán điện;

- Công ty Viễn thông điện lực và Công nghệ thông tin (đổi tên từ Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin);

- Trung tâm Thông tin điện lực.

c) Doanh nghiệp do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;
- Tổng công ty Điện lực miền Bắc;
- Tổng công ty Điện lực miền Trung;
- Tổng công ty Điện lực miền Nam;
- Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội;
- Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia (chuyển thành công ty TNHH MTV trong giai đoạn 2019 - 2020 theo Quyết định số 168/QĐ-TTg).

d) Doanh nghiệp do EVN nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1;
- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2.

đ) Doanh nghiệp do EVN nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ

- Cổ phần hóa các Tổng công ty Phát điện 1, 2, 3 (EVN nắm giữ ít nhất 51% vốn điều lệ các Tổng công ty Phát điện đến hết năm 2019, năm 2020 tiếp tục xem xét thoái phần vốn nhà nước còn nắm giữ xuống dưới mức chi phối);

- Công ty cổ phần Năng lượng Vĩnh Tân 3 (thoái vốn sau khi hoàn thành dự án Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 3).

e) EVN thực hiện thoái toàn bộ vốn tại các doanh nghiệp sau:

- Công ty Tài chính cổ phần Điện lực;
- Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức;
- Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần;
- Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình;
- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4.

g) Các sắp xếp khác:

- Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét việc bán bớt một phần hoặc toàn bộ phần vốn của các Tổng công ty Phát điện tại các công ty cổ phần phát điện đảm bảo đúng quy định của pháp luật và cổ phần hóa các Tổng công ty Phát điện có hiệu quả;

- Thực hiện các thủ tục để chuyển giao Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn 1 về Tổng công ty Phát điện 1;

- Đối với các dự án nguồn điện do EVN làm chủ đầu tư đang xây dựng, EVN thành lập các Công ty

phát điện hạch toán phụ thuộc để quản lý vận hành các nhà máy điện sau khi dự án hoàn thành và sẽ tiến hành cổ phần hóa Công ty theo quy định của pháp luật.

3. **Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu về quản trị doanh nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực như sau:**

a) Hoàn thiện thể chế quản lý;

b) Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, điều hành;

c) **Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, kế toán; quản lý triệt để tài sản, nguồn vốn và đảm bảo cân đối dòng tiền. Tăng cường thực hành tiết kiệm, quản lý chặt chẽ chi phí, nhất là chi phí nhiên liệu, năng lượng, chi phí gián tiếp, phần đầu hạ giá thành sản phẩm và minh bạch chi phí đầu vào;**

d) **Quản lý sử dụng lao động hiệu quả, cải cách cơ chế tiền lương; sắp xếp, tinh giảm biên chế lao động nhất là đội ngũ quản lý và ở các khâu truyền tải, phân phối điện;**

đ) **Phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gồm nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân lực cho quản lý kỹ thuật - vận hành;**

e) **Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động trong toàn Tập đoàn;**

g) **Tăng cường công tác quản lý dự án đầu tư, đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư;**

h) **Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nội bộ; phòng chống tham nhũng, lãng phí;**

i) **Rà soát, xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức thực hiện xử lý các dự án, doanh nghiệp yếu kém thua lỗ thuộc EVN.**



Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành

Quyết định về việc đính chính Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp

Ngày 26/5/2017, Bộ Y tế ban hành Quyết định số 2126/QĐ-BYT về việc đính chính Thông tư 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp

Theo Quyết định số 2126/QĐ-BYT, một số nội dung được đính chính như sau:

1. Điểm b khoản 3 Điều 6: Đính chính nội dung “Các dịch vụ kỹ thuật chưa được quy định mức giá tối đa tại các phụ lục kèm theo Thông tư này đồng thời cũng chưa được xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện” thành “Các dịch vụ kỹ thuật chưa được quy định mức giá tối đa tại các phụ lục kèm theo Thông tư này đồng thời đã được xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện”.

2. Gạch đầu dòng thứ ba điểm b khoản 7 Điều 6: Đính chính nội dung “dịch vụ có số thứ tự 1302” thành “dịch vụ có số thứ tự 1301”.

3. Đính chính mức giá tối đa của một số dịch vụ như sau:

STT Thông tư 02	STT Thông tư 37	Tên dịch vụ	Giá tối đa tại Thông tư 02/2017/TT-BYT	Giá tối đa đính chính
94	91	Chọc hút tủy làm tủy đồ, bao gồm cả kim chọc hút tủy dùng nhiều lần.	523.000	523.000
	93	Chọc hút tủy làm tủy đồ sử dụng máy khoan cầm tay		2.353.000
105	101	Đặt nội khí quản	1.113.000	555.000
344	336	Điều trị viêm da cơ địa bằng máy	700.000	1.082.000
345	337	Phẫu thuật chuyển gân điều trị hờ mi	960.000	2.041.000
346	338	Phẫu thuật điều trị hẹp hở khẩu cái	960.000	2.317.000

347	339	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo có viêm xương	515.000	602.000
348	340	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo không viêm xương	4.200.000	505.000
349	341	Phẫu thuật điều trị sa trẻ mi dưới	485.000	1.761.000
350	342	Phẫu thuật điều trị sập cầu mũi	200.000	1.401.000
351	343	Phẫu thuật điều trị u dưới móng	180.000	696.000
744	715	Soi cổ tử cung	6.180.000	58.900
745	716	Soi ối	1.260.000	45.900
1804	1773	Xử lý mẫu xét nghiệm độc chất	67.200	182.000

4. Dịch vụ số thứ tự 205 của Phụ lục 3: Đính chính nội dung “Thay băng vết thương mổ chiều dài trên 15 cm đến 30 cm” thành “Thay băng vết mổ chiều dài trên 15 cm đến 30 cm”.

5. Điểm b khoản 2 Điều 9: Đính chính nội dung “Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cơ quan có thẩm quyền phân loại là đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: thời điểm thực hiện vào tháng 8, tháng 10 hoặc tháng 12 năm 2017 và phải thực hiện trong năm 2017” thành “Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cơ quan có thẩm quyền phân loại là đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: thời điểm thực hiện vào tháng 8, tháng 10 hoặc tháng 12 năm 2017 và phải hoàn thành việc phê duyệt giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong năm 2017. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 31 tháng 12 năm 2017 thì được áp dụng ngay từ thời điểm quyết định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có hiệu lực thi hành”.



Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2017.

CÔNG VĂN GIẢI ĐÁP, HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ

Công văn số 2696/BHXH-CSXH ngày 29/6/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện các chế độ BHXH kể từ ngày 01/7/2017

Thực hiện Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là Nghị định số 47/2017/NĐ-CP) Thông tư số 02/2017/TT-BNV ngày 12/5/2017 của Bộ Nội vụ, Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam hướng dẫn thực hiện chế độ BHXH từ ngày 01/7/2017 như sau:

I. Giải quyết các chế độ BHXH từ ngày 01/7/2017

1. Chế độ ốm đau, thai sản, trợ cấp dưỡng sức phục hồi sức khỏe

- Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định bắt đầu hưởng chế độ ốm đau hoặc thai sản hoặc trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ ngày 01/7/2017 trở đi thì mức hưởng được tính trên mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng.

Đối với người lao động đang hưởng chế độ ốm đau hoặc thai sản hoặc trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ trước ngày 01/7/2017 mà từ ngày 01/7/2017 trở đi vẫn đang trong thời hạn hưởng thì vẫn hưởng theo mức đang hưởng trước ngày 01/7/2017.

2. Chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (TNLĐ - BNN)

- Người lao động bắt đầu hưởng trợ cấp TNLĐ - BNN từ ngày 01/7/2017 trở đi thì mức trợ cấp được tính trên mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng.

- Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên mà bị liệt cột sống hoặc mù hai mắt hoặc cụt, liệt hai chi hoặc bị bệnh tâm thần, hưởng trợ cấp TNLĐ - BNN từ ngày 01/7/2017 trở đi thì mức trợ cấp phục vụ hàng tháng được tính trên mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng.

3. Chế độ hưu trí

- Đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định mà hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/7/2017 trở đi thì mức hưởng được tính trên mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng.

- Người lao động nghỉ việc đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc BHXH một lần kể từ ngày

01/7/2017 trở đi, mà trước ngày 01/01/2007 đã có thời gian đóng BHXH bao gồm phụ cấp khu vực thì mức hưởng trợ cấp khu vực một lần được tính theo mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng.

- Đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định bắt đầu tham gia BHXH bắt buộc từ ngày 01/01/2016 trở đi mà hưởng BHXH một lần thì tiền lương đã đóng BHXH để làm căn cứ tính mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH được điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật BHXH; không điều chỉnh theo mức lương cơ sở tại thời điểm hưởng BHXH một lần.

- Người lao động có từ đủ 20 năm đóng BHXH bắt buộc trở lên bắt đầu hưởng lương hưu từ ngày 01/7/2017 trở đi, nếu mức lương hưu hàng tháng được tính theo quy định mà thấp hơn 1.300.000 đồng thì được bù cho bằng 1.300.000 đồng.

4. Chế độ tử tuất

- Trợ cấp mai táng phí, trợ cấp một lần khi chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp khu vực một lần (nếu có) được tính theo mức lương cơ sở tại tháng người lao động chết, nếu chết từ 01/7/2017 trở đi thì mức trợ cấp được tính theo mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng.

- Trợ cấp tuất hàng tháng được tính theo mức lương cơ sở tại thời điểm hưởng trợ cấp. Đối với những thân nhân bắt đầu hưởng trợ cấp tuất hàng tháng từ ngày 01/7/2017 trở đi thì mức trợ cấp tuất hàng tháng được tính theo mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng.

- Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định đang đóng hoặc đang bảo lưu thời gian đóng BHXH mà chết thì trợ cấp tuất một lần được tính trên mức lương cơ sở tại tháng người lao động chết.

Đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do nhà nước quy định bắt đầu tham gia BHXH bắt buộc từ ngày 01/01/2016 trở đi và người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định mà chết thì tiền lương đã đóng BHXH làm căn cứ tính mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH để tính trợ cấp tuất một lần được điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật BHXH.

5. Trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn

a) Cán bộ xã, phường, thị trấn đang chờ đủ tuổi hưởng trợ cấp hàng tháng quy định tại Nghị định

số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ và Khoản 1, Điều 38 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội mà hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngày 01/7/2017 trở đi thì mức trợ cấp hàng tháng tính tại thời điểm ngày 01/01/2003 và được điều chỉnh qua các đợt cụ thể theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Mục II Công văn số 3320/BHXH-CSXH ngày 24/8/2016 của BHXH Việt Nam, từ 01/7/2017 được điều chỉnh tăng thêm 7,44%.

b) Người có thời gian tham gia BHXH theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ; cán bộ chuyên trách cấp xã đang tự đóng tiếp BHXH và cán bộ chuyên trách cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ, từ ngày 01/7/2017 hưởng chế độ hưu trí hoặc BHXH một lần thì mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ tính lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, BHXH một lần của số tháng đóng BHXH theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định được tính theo mức lương cơ sở 1.300.000 đồng, số tháng đóng BHXH theo mức sinh hoạt phí quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP được điều chỉnh theo mức tăng tương ứng của mức tiền lương tối thiểu chung trước ngày 01/7/2013, từ ngày 01/7/2013 theo mức tăng của mức lương cơ sở từng thời kỳ.

6. Người đủ điều kiện hưởng trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ và bắt đầu hưởng từ ngày 01/7/2017 trở đi đến khi Chính phủ ban hành quy định mới về điều chỉnh mức hưởng thì mức trợ cấp hàng tháng bằng 849.219 đồng/tháng.

Công văn số 2564/TCT-TNCN ngày 13/6/2017 của Tổng cục thuế về việc vướng mắc trong việc xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản phụ cấp

Tổng cục Thuế nhận được công văn số ROV-1100 đề ngày 11/05/2017 của Văn phòng đại diện Công ty cổ phần <AMNGR> tại Việt Nam về việc vướng mắc trong việc xác định thu nhập chịu thuế đối với các khoản phụ cấp. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về khoản phụ cấp khoán chi để người lao động thuê phương tiện đi lại.

- Tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC hướng dẫn:

“Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức”

- Tại điểm đ.4.3 khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC hướng dẫn:

“Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức quốc tế, các văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài: mức khoán chi thực hiện theo quy định của Tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài.”

Căn cứ hướng dẫn nêu trên, trường hợp người lao động được Văn phòng đại diện Công ty cổ phần <AMNGR> tại Việt Nam có khoản phụ cấp khoán chi do Công ty mẹ tại Liên bang Nga chi trả để người lao động thuê phương tiện đi lại từ nơi ở đến nơi làm việc thực hiện theo quy định của Tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài thì không tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động.

2. Về khoản phụ cấp khoán chi để người lao động thuê tự thuê nhà.

- Tại khoản 2 điều 11 Thông tư số 92/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung tiết đ.1 điểm đ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC hướng dẫn:

“đ.1) Tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có), không bao gồm: khoản lợi ích về nhà ở, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng để cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp; nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng tại khu kinh tế, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại đó.

Trường hợp cá nhân ở tại trụ sở làm việc thì thu nhập chịu thuế căn cứ vào tiền thuê nhà hoặc chi phí khấu hao, tiền điện, nước và các dịch vụ khác tính theo tỷ lệ giữa diện tích cá nhân sử dụng với diện tích trụ sở làm việc.

Khoản tiền thuê nhà, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do đơn vị sử dụng lao động trả thay tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh (chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo (nếu có)) tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập.”

Trường hợp người lao động được Văn phòng đại diện Công ty cổ phần <AMNGR> tại Việt Nam có khoản phụ cấp khoán chi do Công ty mẹ tại Liên bang Nga chi trả để người lao động tự thuê nhà thì tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh (chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo (nếu có)) tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập.

Tổng cục Thuế thông báo để Văn phòng đại diện Công ty cổ phần <AMNGR> tại Việt Nam được biết./.

DANH MỤC VĂN BẢN NỘI BỘ*

Ký hiệu văn bản	Ngày/tháng ban hành	Tên loại và trích yếu nội dung	Hiệu lực văn bản
03/QĐ-HĐQT-DVKT	26/03/2009	Quy chế Người đại diện của PVPS tại các doanh nghiệp khác	Hiệu lực kể từ ngày ký
63/QĐ-DVKT	29/03/2010	Quy định chức năng, nhiệm vụ của người điều phối theo dõi HĐ bảo trì dài hạn Nhà máy điện Cà Mau giữa PVPS & Siemens	Hiệu lực kể từ ngày ký
43/QĐ-HĐQT.PVPS	08/09/2010	Quy chế quản trị Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
52/QĐ-HĐQT.PVPS	04/10/2010	Quy trình công bố thông tin của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
33/QĐ-HĐQT-DVKT	20/05/2011	Quy chế đào tạo của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký
119/QĐ-HĐQT-DVKT	13/08/2013	Quy chế Tài chính sửa đổi của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký
240/QĐ-HĐQT	09/12/2014	Quy chế thực hiện dân chủ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Hiệu lực kể từ ngày ký
140/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế Hội nghị người lao động Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
141/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế đối thoại tại nơi làm việc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
165/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định tiêu chuẩn bậc an toàn chung, bậc an toàn điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Hiệu lực kể từ ngày ký
166/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe Môi trường của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
167/QĐ-DVKT	20/03/2015	Các nguyên tắc an toàn cơ bản của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký

168/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy trình quản lý sức khỏe và bệnh nghề nghiệp	Hiệu lực kể từ ngày ký
171/QĐ-DVKT	20/03/2015	Phương án phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Hiệu lực kể từ ngày ký
172/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định phân công trách nhiệm trong công tác an toàn – vệ sinh lao động	Hiệu lực kể từ ngày ký
173/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định chế độ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2009	Hiệu lực kể từ ngày ký
174/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định quản lý nhà thầu phụ trong công tác An toàn lao động và vệ sinh môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
175/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	Hiệu lực kể từ ngày ký
220/QĐ-DVKT	08/04/2015	Quy định thi an toàn, giữ bậc, nâng bậc và xét nâng lương	Hiệu lực kể từ ngày ký
731/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
732/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định phân định trách nhiệm trong công tác An toàn vệ sinh lao động	Hiệu lực kể từ ngày ký
766/QĐ-DVKT	05/06/2015	Quy định quản lý hợp đồng kinh tế	Hiệu lực kể từ ngày ký
811/QĐ-DVKT	17/07/2015	Quy trình quản lý kỹ thuật	Hiệu lực kể từ ngày ký
814/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định trực xử lý sự cố Nhà máy điện	Hiệu lực kể từ ngày ký
815/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định đào tạo tay nghề tại chỗ	Hiệu lực kể từ ngày ký
816/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định nghiệm thu nội bộ thiết bị sau bảo dưỡng – sửa chữa của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
177/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý (chuyên trách) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
178/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế trả lương sửa đổi cho CBCNV công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
807/QĐ-DVKT	26/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và bảo dưỡng palăng xích của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
832/QĐ-DVKT	30/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa tời điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký

837/QĐ-DVKT	03/08/2015	Quy định thực hiện chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1160/QĐ-DVKT	16/11/2015	Thỏa ước lao động tập thể	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1161/QĐ-DVKT	16/11/2015	Nội quy lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1180/QĐ-DVKT	26/11/2015	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng chức năng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1215/QĐ-DVKT	16/12/2015	Quy định về công tác quản lý văn bản của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1245/QĐ-DVKT	29/12/2015	Quy định quản lý và sử dụng phương tiện đi lại của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1285/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình tổ chức sáng kiến	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1287/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình lập, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và chế độ báo cáo của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
23/QĐ-HĐQT-DVKT	15/01/2016	Quy trình quản lý vật tư, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
31/QĐ-DVKT	19/01/2016	Quy trình nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
69/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn hóa chất	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
70/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
71/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn khi hàn điện-hàn hơi.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
72/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn khi làm việc trên cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
73/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị áp lực	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
74/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
75/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tại các Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

30/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đấu thầu của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
32/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
45/QĐ/HĐQT-DVKT	03/03/2016	Quy chế thi đua, Khen thưởng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
164/QĐ-DVKT	18/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành Kế hoạch Ứng cứu tình huống khẩn cấp.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
172/QĐ-DVKT	23/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn làm việc trong điều kiện có khí Hydro của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
187/QĐ-DVKT	30/03/2016	Quy định về quản lý công nợ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
106/QĐ/HĐQT-DVKT	05/04/2016	Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu Khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
126/QĐ/HĐQT-DVKT	22/04/2016	Quy chế chi tiêu nội bộ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
330/QĐ-DVKT	09/06/2016	Quy định công tác quản lý công cụ dụng cụ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
175/QĐ/HĐQT-DVKT	10/06/2016	Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
367/QĐ-DVKT	22/06/2016	Quy định công tác phối hợp giữa các phòng/đơn vị	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
390/QĐ-DVKT	30/06/2016	Quy định tổ chức và quản lý hoạt động của Website Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
709/QĐ-DVKT	22/09/2016	Hướng dẫn làm việc an toàn trong không gian hạn chế	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
740/QĐ-DVKT	10/10/2016	Quy định quản lý chấm công lao động tại Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
760/QĐ-DVKT	24/10/2016	Quy định chức năng nhiệm vụ Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
804/QĐ-DVKT	08/11/2016	Quy định tiêu chuẩn công nhân kỹ thuật cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

324/QĐ/HĐQT-DVKT	06/12/2016	Quy định về tiêu chuẩn chức danh công việc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
877/QĐ-DVKT	12/12/2016	Quy định lập báo cáo thực hiện các chỉ đạo của HĐQT Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
329/QĐ/HĐQT-DVKT	14/12/2016	Quy chế thưởng an toàn Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
881/QĐ-DVKT	15/12/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
885/QĐ-DVKT	21/12/2016	Quy chế hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
154/QĐ-DVKT	28/4/2017	Quyết định về việc ban hành Quy định đánh giá tập thể và CBCNV Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
189/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Sổ tay chất lượng và môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
190/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát tài liệu	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
191/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát hồ sơ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
192/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình đánh giá nội bộ (QT-03)	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
193/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Xử lý sự không phù hợp và hành động khắc phục	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
194/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tuyển dụng, tiếp nhận, thử việc	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
195/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tổ chức đào tạo	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
196/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình quản lý cơ sở hạ tầng, thiết bị văn phòng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
197/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc ban hành và áp dụng Quy trình Xác định và quản lý rủi ro chất lượng – an toàn – môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
198/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình quản lý kỹ thuật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
199/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tổ chức triển khai và nghiệm thu sửa chữa Đại tu, Trung tu, Tiểu tu Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
200/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Tổ chức sáng kiến cải tiến kỹ thuật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

201/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tiếp nhận và xử lý phản hồi, khiếu nại của Khách hàng/các bên hữu quan	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
202/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình rao đổi thông tin liên lạc	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
203/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Tiếp cận, tuân thủ, giám sát các yêu cầu của pháp luật và các yêu cầu khác	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
204/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình ứng phó với tình huống khẩn cấp	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
205/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
206/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
207/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
208/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định về sinh môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
209/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định quản lý và sử dụng điện, gas	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
210/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định an toàn trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tại các Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
211/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định kiểm tra công tác an toàn sức khỏe môi trường tại các Chi nhánh	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
212/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định về hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

* Văn bản do các phòng chức năng Công ty chủ trì soạn thảo, quản lý.

Biên soạn : Nguyễn Thị Thu Huyền
Kiểm duyệt : Nguyễn Duy Long
Email : pth@pvps.vn/huyenntt@pvps.vn
Điện thoại : 04.37878186 (ext: 213)
Fax : 04. 37878185